CỤC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRUNG TÂM DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: NNHN-7 /DBQG	*Hà Nội, ngày 08 tháng 2 năm 2026*

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 8 đến 14/2/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa, lượng mưa dưới 10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 75%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN 60%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế thấp hơn so với 7 ngày trước; So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 25%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội những ngày đầu có dao động tăng do các hồ thủy điện tăng cường cấp nước phục vụ đổ ải vụ Đông Xuân 2025-2026 đợt 02 từ ngày 29/01-04/02. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 25%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tiếp tục giảm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 77%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ thấp hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy c thấp hơn TBNN 57%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế thấp so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 33%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ biến đổi chậm, chịu ảnh hưởng của thủy triều và chế độ điều tiết của thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo xấp xỉ cao hơn TBNN cùng kỳ 6%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa, lượng mưa dưới 5mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy

tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 110%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 29%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-15mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm xu thế giảm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy thấp hơn so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 76%. + Trên sông Lục Nam: Lưu lượng dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo giảm so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 20%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
-Tổng lượng mưa: Thanh Hóa- Nghệ An phổ biến không mưa. Từ Hà Tĩnh đến Tp Huế lượng mưa phổ biến 10-30mm, có nơi trên 40mm như A Lưới (Tp. Huế) 42.9mm
-Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước, riêng trên các sông ở Nghệ An tăng hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 29%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 20%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 25%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 77%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 375%.
b. Dự báo, cảnh báo
-Tổng lượng mưa: phổ biến 10-20mm.
-Tổng lượng dòng chảy: + + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Lưu lượng dòng chảy trên các

sông sẽ giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 22%, sông Cả tại trạm Yên Thượng cao hơn khoảng 19%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 78%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 34%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 356%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm như Bà Nà (Tp. Đà Nẵng) 52.5mm, Hội An (Đà Nẵng) 84.1mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 22% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 43%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 4%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 21%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 36%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 91% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 75%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức cao hơn TBNN 28%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 53%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 15% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn so với TBNN 35%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa, lượng mưa dưới 10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần vừa qua, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 59%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN 5%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: phía Bắc ít mưa, phía Nam lượng mưa 10-20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpốk biến đổi ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 54%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 10%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu sẽ cao hơn 45% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 20% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 15/02/2026

Tin phát lúc: 15h00

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng mưa và tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo ngày 08 đến ngày 14/02/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	0	<100	7,6	0	0,2	0,2	0,3	0,2	9,5	18	>206
	Sơn La	0	<100	3,8	0,2	0,1	0	0,1	0	2,6	6,8	>81
	Hòa Bình	1,4	<67	4,4	1,1	0	0,8	0,1	1,4	0,3	8,1	>178
	Lào Cai	0,1	<98	5,6	0,1	0	0,1	0,2	0,1	4,4	10,5	>180
	Yên Bái	6,1	<6	11,9	0,1	0,5	1	0,3	0,7	0,9	15,4	>117
	Tuyên Quang	1,4	<61	7,3	0	0,6	2,6	1,2	2	2	15,7	>147
	Hà Giang	8,4	>39	7,6	0,1	0,1	0,8	0	0,6	1,8	11	>79
	Láng	0	<100	2,7	0,7	0,2	0,8	0,1	1,3	0,3	6,1	>38
	Thái Bình	0	<100	4,9	0,6	0,3	0,3	0,2	0,7	0	7	>19
	Nam Định	0	<100	4,9	0,2	0	1,2	0,3	1,4	0,3	8,3	>66
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	2,8	<57	7,3	0	0,6	2,6	1,2	2	2	15,7	>134
	Thái Nguyên	0,2	<97	7,1	0,2	0,4	0,5	0,1	1	0,3	9,6	>35
	Bắc Ninh	0	<100	2,7	0,7	0,2	0,8	0,1	1,3	0,3	6,1	>16
	Lạng Sơn	0	<100	1,9	0,3	2,4	0,7	0	0,4	0,1	5,8	<6
	Bắc Giang	0	<100	7,1	0,2	0,4	0,5	0,1	1	0,3	9,6	>70
	Hải Dương	0	<100	1,2	0,2	0,4	0,7	0	0,4	0	2,9	<27
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	0,8	<74	3,6	0,8	0	1,1	0,3	0,5	0,4	6,7	>186
	Bái Thượng	0	<100	7,7	0,4	0,1	0,9	0,3	0,8	0,3	10,5	>72
	Thanh Hóa	0	<100	7,7	0,4	0,1	0,9	0,3	0,8	0,3	10,5	>195
	Quỳ Châu	0	<100	6,8	0	0	1,2	0,4	0,1	1,1	9,6	>292
	Cửa Rào	0	<100	2,7	0	0	0,4	0,5	0	0,2	3,8	>4
	Đô Lương	0,4	<96	19,5	0	0	2,7	1,7	0,3	0,5	24,7	>317

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	1,1	<85	19,5	0	0	2,7	1,7	0,3	0,5	24,7	>157
	Hương Sơn	2,7	<58	13,4	0	0	1,6	0,6	0,6	0,3	16,5	>128
	Hương Khê	7,9	<38	4,5	0	0	0,5	0,8	0	0,1	5,9	<44
	Hà Tĩnh	10,9	<23	15	0	0	1,7	0,9	0,1	0,5	18,2	>27
	Đồng Hới	6,6	<31	14,6	1	0,2	1,9	0,3	0,6	0,3	18,9	>163
	Quảng Trị	34,3	>188	13,5	2,7	0,2	0,7	0,2	0,2	0,1	17,6	>168
	Nam Đông	18	<12	6,1	1,6	0	0,1	0	0	0	7,8	<36
	Huế	17	<15	10,4	0,7	0	0,2	0	0	0	11,3	<30
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	14,3	>81	18,7	4	0,2	0,2	0,1	0,1	0,1	23,4	>352
	Trà My	23,2	<22	10,4	4	0,1	0,8	0,1	0,2	0,3	15,9	<29
	Ba Tơ	2,8	<88	12,6	4	0,1	0,7	0,1	0,3	0,3	18,1	<8
	Quảng Ngãi	13,1	<14	12,6	4	0,1	0,7	0,1	0,3	0,3	18,1	>87
	Quy Nhơn	31,4	>302	12,8	3,3	0,1	0,5	0,2	0,2	0,3	17,4	>316
	An Khê	7,9	>140	1,7	0,5	0	0	0	0	0	2,2	<8
	Tuy Hòa	21,3	>163	8,4	3	0,7	1,3	0,3	0,3	0,5	14,5	>297
	Nha Trang	1,4	<51	3,3	1,2	0,3	0,5	0	0	0	5,3	>85
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	0,1	0	0	0	0	0	0	0,1	<93
	Lắk	0	<100	0	0	0,6	0,9	0,3	0	0	1,8	>959
	Buôn Mê Thuột	0	<100	0	0	0,8	0	0	0	0	0,8	>3900
	Biên Hòa	2,6	>29	0	0	0,5	0,3	16,2	4	0	21	>2627
	Cần Thơ	0	<100	0	0	0,1	0	6	3,2	0	9,3	>319

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ 08 đến ngày 14/02/2026

Đơn vị: triệu m^3

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				08/02	09/02	10/02	11/02	12/02	13/02	14/02	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	32	<75	4,4	4,3	4,2	4,1	4	4,0	3,9	29	<77
Lô	Tuyên Quang	108	<60	16	15	13	12	13	13,0	12	93	<57
Đà	Hồ Hòa Bình	419,9	>25	69	65	59	54	53	57,0	57	413	>33
Hồng	Hà Nội	921	>25	88	93	97	102	107	111,0	116	714	>6
Cầu	Gia Bảy	20,9	>110	2,6	2,61	2,41	2,4	2,3	2,2	2,41	17	>76
Lục Nam	Chũ	2,1	<29	0,3	0,31	0,3	0,3	0,2	0,2	0,2	1,8	<20
Mã	Cẩm Thủy	111,9	> 29%	16,2	15,72	15,4	15,1	14,8	14,5	14,1	105,8	> 22%
Cả	Yên Thượng	161,5	> 20%	23,6	22,91	22,5	22,0	21,6	21,2	20,5	154,2	> 19%
La	Hòa Duyệt	25,9	< 25%	3,5	3,41	3,4	3,3	3,2	3,2	3,1	23	< 34%
Tả Trạch	Thượng Nhật	21,5	> 375	3	2,9	2,8	2,6	2,4	2,2	2,2	18,1	> 356
Thu Bồn	Nông Sơn	138,5	> 22	19,9	18,6	17,6	17,3	16,6	16,2	14,8	121	> 28
Trà Khúc	Sơn Giang	110,7	> 43	16,8	15,6	14,7	14	13	12,5	12	98,6	> 53
Ba	Củng Sơn	41,6	<21	7,3	6,5	5,6	4,75	3,8	3,6	3,5	35,1	<15
Cái N,T	Đồng Trăng	28,4	>36	3,97	3,9	3,7	3,63	3,5	3,5	3,3	25,4	>35
ĐăkBla	KonTum	11,7	< 59	2	2,0	1,75	1,68	1,8	2,0	1,95	13,3	< 50
Srêpôk	Giang Sơn	24,5	> 5	3,3	3,2	3,1	3,01	2,9	2,8	2,6	21	> 10
Tiền	Tân Châu			536	527	518	505	492	484	475	3536	>45
Hậu	Châu Đốc			59	63	57	62	57	62,0	59	418	>20